

## ÔN TẬP CÁC THÌ TRONG TIẾNG ANH

### Bài tập 1: Nối dấu hiệu với thì A, B, C, D, E tương ứng

1. \_\_\_\_ always, usually, often, sometimes, every day
2. \_\_\_\_ now, at the moment, right now, at present
3. \_\_\_\_ yesterday, last night, last week, ago
4. \_\_\_\_ tomorrow, next week, soon, in the future
5. \_\_\_\_ since, for, already, just, ever, never

- A. Quá khứ đơn
- B. Hiện tại đơn
- C. Tương lai đơn
- D. Hiện tại tiếp diễn
- E. Hiện tại hoàn thành

### Bài tập 2: Điền thì đúng của động từ dựa vào dấu hiệu nhận biết trong ngoặc

1. She \_\_\_\_\_ (read) a book now. (**now**)
2. They \_\_\_\_\_ (play) soccer every weekend. (**every weekend**)
3. We \_\_\_\_\_ (visit) our grandparents last summer. (**last summer**)
4. I \_\_\_\_\_ (buy) a new phone tomorrow. (**tomorrow**)
5. He \_\_\_\_\_ (live) in this house for 10 years. (**for 10 years**)

### Bài tập 3: Chọn phương án đúng (A, B, C hoặc D) dựa vào dấu hiệu nhận biết.

1. **Look!** The baby \_\_\_\_\_.  
A. cry    B. cries    C. is crying    D. cried
2. I \_\_\_\_\_ my homework two hours **ago**.  
A. do    B. did    C. have done    D. will do
3. They \_\_\_\_\_ a new car **next year**.  
A. buy    B. bought    C. will buy    D. have bought
4. She \_\_\_\_\_ her keys **since** this morning.  
A. lost    B. has lost    C. will lose    D. loses
5. He **usually** \_\_\_\_\_ up early.  
A. gets    B. is getting    C. got    D. will get

### Bài tập 4: Điền dấu hiệu nhận biết cho sẵn trong ngoặc với câu phù hợp

(Dấu hiệu: *yesterday, since, every day, tomorrow, now*)

1. She is cooking dinner \_\_\_\_\_.
2. We visited Ha Long Bay \_\_\_\_\_.
3. My father will buy a new laptop \_\_\_\_\_.
4. He has worked in this company \_\_\_\_\_ 2015.
5. I always go to school \_\_\_\_\_.

### Bài tập 5: Xác định thì của mỗi câu dưới đây và ghi vào chỗ trống

1. They **are watching** TV at the moment. → **Thì:** \_\_\_\_\_
2. I **have never seen** a ghost before. → **Thì:** \_\_\_\_\_
3. She **will travel** to Japan next month. → **Thì:** \_\_\_\_\_
4. We **went** to the cinema last night. → **Thì:** \_\_\_\_\_
5. He **studies** English every day. → **Thì:** \_\_\_\_\_

**Bài tập 6: hãy vận dụng các kiến thức đã học làm các câu trắc nghiệm sau đây trong đề thi vào 10 tỉnh Lạng Sơn**

*Đề Thi vào 10 Tỉnh Lạng Sơn năm 2025-2026*

1. We \_\_\_\_\_ him since last summer.  
A. don't meet      B. didn't meet      C. haven't met      D. hadn't met

*Đề Thi vào 10 Tỉnh Lạng Sơn năm 2024-2025*

1. My grandfather \_\_\_\_\_ this picture 30 years ago.  
A. Painted      B. will paint      C. paints      D. has painted

*Đề Thi vào 10 Tỉnh Lạng Sơn năm 2023-2024*

1. He \_\_\_\_\_ football with me yesterday.  
A. played      B. will play      C. plays      D. has played

*Đề Thi vào 10 Tỉnh Lạng Sơn năm 2022-2023*

1. I \_\_\_\_\_ this book from the school library last week.  
A. will borrow      B. borrowed      C. have borrowed      D. borrow

*Đề Thi vào 10 Tỉnh Lạng Sơn năm 2021-2022*

1. He \_\_\_\_\_ football with his friends yesterday afternoon.  
A. play      B. played      C. is playing      D. has played

*Đề Thi vào 10 Tỉnh Lạng Sơn năm 2020-2021*

1. Tom \_\_\_\_\_ in the post office for over three years.  
A. works      B. worked      C. has worked      D. would work

*Đề Thi vào 10 Tỉnh Lạng Sơn năm 2019-2020*

1. They \_\_\_\_\_ Ho Chi Minh City last summer.  
A. visit      B. will visit      C. have visited      D. visited

*Đề Thi vào 10 Tỉnh Lạng Sơn năm 2018-2019*

1. Ann and Lan \_\_\_\_\_ each other for over three years.  
A. know      B. knew      C. have known      D. would know